

ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT KỊCH THƠ HUY THÔNG 1932–1945 TRÊN PHƯƠNG DIỆN ĐỀ TÀI NGÔN NGỮ CỦA LOẠI HÌNH

Nguyễn Văn Lịch

Trung tâm Phát triển Giáo dục và Đào tạo phía Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tóm tắt. Bài báo chỉ ra rằng kịch thơ Huy Thông thiên về đề tài lịch sử. Đây cũng là đề tài phổ biến trong văn học Việt Nam giai đoạn đầu thế kỉ XX do tính chất đặc biệt của số phận dân tộc. Và, cũng trong tính chất xu trào của thời đại, kịch thơ lịch sử của Huy Thông thường gắn với chủ đề tình yêu – thứ tình yêu bị ràng buộc với lịch sử, một ví dụ về trách nhiệm và bi kịch của cá nhân trước lợi ích cộng đồng. Trong những nỗ lực của mình, tác phẩm của ông có những đóng góp riêng cho thể loại kịch thơ trên các phương diện kết cấu, ngôn ngữ. Kịch thơ Huy Thông giống như những bản trường ca về tình yêu không dứt, lời thoai thiên về bộc lộ tâm trạng hơn là biểu hiện lịch sử. Số lượng nhân vật kịch thơ Huy Thông tối giản, vừa đủ để biểu hiện tâm trạng của người viết.

Từ khóa: Đặc sắc, nghệ thuật, kịch thơ, Huy Thông.

1. Mở đầu

Huy Thông là một cây bút kịch thơ thuộc hàng tiêu biểu của văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, nên việc các nhà nghiên cứu “để mắt” đến ông cũng là một lẽ tất yếu. Có thể tìm thấy các nghiên cứu ở những mức độ khác nhau về kịch thơ Huy Thông trong các công trình nghiên cứu của Hoài Thanh (*Thi nhân Việt Nam*) [8], Vũ Ngọc Phan (*tNhà văn hiện đại*) [7], Phan Cự Đệ (*Văn học Việt Nam (1900 – 1945)* [3-4], Phan Huy Dũng (*Kết cấu thơ trữ tình nhìn từ góc độ loại hình*) [2]... Hoài Thanh từ góc nhìn của một người đọc thơ theo lối phê bình ấn tượng, nhấn mạnh chất thơ, cái “lạ” trong kịch của Huy Thông. Ông viết: “cũng may Huy Thông thỉnh thoảng biết vờ quên mình đi để giấc mộng ân ái đượm một vẻ mơ hồ riêng. Hoặc người tạo ra cái không khí lạ khiến ta nhớ đến những chiêm bao chính ta đã từng trải qua hay những chiêm bao Shakespeare đã đưa lên sân khấu. Hoặc người cầu cứu lịch sử cái môn người vẫn sở trường để dẫn nẻo nguồn mơ - Người mượn lời của một thiếu nữ để gọi cảnh xưa ...” [8, 80]. Vũ Ngọc Phan thống nhất với Hoài Thanh nhấn mạnh tinh thần hùng tráng của (thơ và) kịch thơ Huy Thông: “Phạm Huy Thông là người làm thơ hùng tráng nhất trong lối thơ mới. Thơ ông cứng cỏi đánh thép, nhưng không khô khan và kém về vần điệu hơn” [7, 631]. Nhấn mạnh cảm hứng lịch sử trong kịch thơ Huy Thông, Phan Cự Đệ đánh giá: “trong thơ Huy Thông cũng có phần mơ mộng yêu đương như các thi sĩ khác (Yêu đương, Anh Nga). Nhưng cái cảm xúc chính thi sĩ vẫn là những giấc mơ về anh hùng lịch sử. Nhà thơ ca ngợi Kinh Kha, người tráng sĩ một sáng qua sông Ô Dịch ra đi không hẹn ngày trở lại. Đặc biệt thi sĩ đã dùng những lời thơ hùng tráng sáng khoái nhất để ngợi ca, sự nghiệp anh hùng của Hạng Vũ” [3, 118]...

Về các bài báo in trên tạp chí, có thể kể đến *Về kịch thơ “Lòng hổ hận” của Huy Thông* [1];

Ngày nhận bài: 2/4/2021. Ngày sửa bài: 19/4/2021. Ngày nhận đăng: 10/5/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn Lịch. Địa chỉ e-mail: lichdhsp@gmail.com

Phạm Huy Thông: Giọng anh hùng ca khởi đầu trong thơ Việt [6]; Nhà thơ Phạm Huy Thông (1916-1988) “Tiếng địch sông Ô” còn vang mãi [9],...

Có thể thấy các ý kiến bàn về thơ/kịch thơ Huy Thông đều ít nhiều chạm đến những nét cốt lõi trong phong cách sáng tạo của tác giả, nhưng vẫn chưa có một nghiên cứu nào bàn sâu về đặc sắc nghệ thuật kịch thơ Huy Thông 1932 – 1945 trên phương diện đề tài, ngôn ngữ của loại hình. Nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi hi vọng góp một phần nhỏ trong bức tranh chung về phong cách nghệ thuật của Huy Thông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những nét đặc sắc trên phương diện đề tài, chủ đề

Trong tác phẩm *Tiếng địch Sông Ô*, câu chuyện lịch sử Trương Lương dùng tiếng sáo làm cho quân sĩ của Hạng Vũ nhớ nhà, nhớ quê hương mà chán nản, tan rã hàng ngũ, cũng vì thế mà Hạng Vũ thua trận ở Cai Hạ. Chuyện này lưu truyền trong lịch sử Trung Quốc được Huy Thông “tân trang” lại bằng nhãn quan cá nhân với những nét riêng hoàn toàn mới lạ. Đề tài tình yêu đôi lứa được lồng vào một câu chuyện lịch sử với một tình yêu đắm say, đầy hình tượng. Nếu tiếng sáo của Trương Lương trong lịch sử là tiếng sáo phản chiến làm tan nát hàng ngũ quân Hạng Vũ, thì đối với Huy Thông trở thành tiếng gọi của tình yêu từ sâu thẳm trái tim si tình của người anh hùng. Tình yêu của Hạng Vũ đã được Huy Thông biến thành tình yêu của cái tôi cá nhân yêu đương mãnh liệt. Có thể nói dù đến với đề tài lịch sử nhưng chàng thi sĩ Huy Thông vẫn không thoát khỏi ám ảnh của tình yêu lứa đôi. Ở các tác phẩm ra đời sau như *Tàn Hồng Châu*, *Huyền Trân Công Chúa* cũng như vậy. Ông đã biến sự kiện lịch sử thành những câu chuyện tình đầm nước mắt chia li. Vay mượn chất liệu phong phú của lịch sử để nhắm đến cái đích sáng tác của mình: “từ cảnh biệt li trong *Tiếng địch sông Ô*, cho đến cái tình ngăn cách trong *Huyền Trân Công Chúa*, thậm chí một câu chuyện do mình cấu tạo như *Anh Nga* đều là khúc nhạc tình không trọn vẹn”. Thứ tình yêu trong kịch thơ Huy Thông là thứ tình yêu mà mỗi lần chia li là một trời lâm li, bịn rịn kéo dài mãi như không khi nào muốn dứt. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam từng ghi nhận một Huyền Trân biết lấy quốc gia làm trọng, có ý thức hi sinh bản thân vì quyền lợi của dân tộc, nàng bước lên thuyền hoa về Chiêm Quốc làm vợ Chế Mân. Nhưng trong kịch thơ Huy Thông nàng lại hiện lên là một cái tôi cá nhân đầy cá tính với một tâm trạng giằng xé:

*Ta chẳng theo ai về Chiêm quốc
Không! Không! Ta chẳng hững theo ai đi
Vượt bao núi, bao non, bao từng nước
Tới rừng hoang rừng vắng lũ man di!
Dù Chế Vương ân cần hay cưỡng bách
Huyền Trân quyết chẳng tới Đồ Bàn xa...*

Cái điều sâu kín trong lòng khiến nàng dùng dáng đối kháng là vì tình yêu thâm kín, thiết tha, sâu nặng với Trần Khắc Chung:

*Ta không xa nơi bao lần ngày ngất,
Nơi bao lần lưu luyến bóng tình quân,
Không xa nơi còn mơ màng phảng phất,
Tiếng người yêu say hát khúc ái ân.*

Câu chuyện tình yêu của Huyền Trân và Trần Khắc Chung kết thúc bằng cuộc chia tay đầy lưu luyến. Bi kịch tình yêu tan vỡ lặp lại như ở mỗi tình Hạng Vũ - Ngu Cơ nhưng là sự chia li biệt biệt ngàn trùng.

Nói đến tình yêu trong kịch thơ Huy Thông, không thể không nhắc đến vở kịch thơ *Anh Nga* vì nó là tác phẩm toàn bích trong thơ trường thiên của Huy Thông. Hình tượng chàng thư

sinh Ngân Sinh, chính là hóa thân của nhà thơ. Trong mắt chàng, nàng Anh Nga hiện lên rực rỡ như kết tinh bằng châu ngọc, khiến chàng ngây ngất không biết mình tỉnh hay mê, không biết mình đang ở nơi cung Quảng hay trần gian:

Ngân Sinh:

Hỡi giai nhân!

Nàng là ai mà diễm lệ, thanh tân?

Nàng là ai mà âm thầm, huyền ảo,

Để, xuyên qua liên tiền thảo,

Ánh giăng xuân

Nhẹ nhàng vờn trên dung nhan kín đáo?

Nàng là người trong Quảng điện hay Chiêu quân?

Hay tiên nga lạc cánh xuống phàm trần.

Tình yêu của Ngân Sinh như chìm vào mê hư ảo. Nhưng tình nương của chàng chỉ là một u hồn nơi cõi xa xăm, ở hạ giới, nàng sẽ không bao giờ giữ được hình hài trước ánh dương chói sáng. Kết thúc vở kịch, các câu chuyện tình yêu của Huy Thông chỉ còn lại nỗi đau đớn, li tan, tuyệt vọng tột cùng của nhân vật và cũng chính là tâm trạng của chính tác giả.

Mối tình của nàng Tần Hồng Châu là một bi kịch đau đớn. Bi kịch của đó bắt nguồn từ tình yêu tha thiết của nàng dành cho người chồng vô tâm chỉ biết say mê chinh chiến, theo đuổi công danh, để nàng cô đơn, buồn khổ. Không lay chuyển được ý chàng, nàng đã giết chồng. Sau khi giết chồng nàng rơi vào trạng thái đầy mâu thuẫn, đớn đau và giằng xé. Tình yêu trong thơ Huy Thông là thứ tình yêu đầy bi kịch.

Nhưng chớ nghĩ rằng kịch thơ Huy Thông chỉ có sự ủy mị và bi đát. Trong tác phẩm *Tiếng địch sông Ô*, có nhiều đoạn kịch gia đã phác họa lại trong trí tưởng tượng của nhân vật một viễn tượng chiến thắng tung bừng với niềm kiêu hãnh khôi phục toàn vẹn cơ đồ của Sở Vương. “Giữa cái éo lá, cái ủy mị của những linh hồn đang chờ sa ngã, thơ Huy Thông ồ ạt đến như một luồng gió mạnh. Nó lôi cuốn cuốn bừa đi. Người xem thơ ngạc nhiên và suy tưởng vì thấy mình vẫn còn tráng khí để buồn cái buồn của Hạng Tịch” [8, 84] và Hoài Thanh còn thêm rằng: “Chỉ tiếc rằng Huy Thông, người anh hùng trong mộng tưởng ấy cũng là một thiếu niên khao khát yêu đương và rất lễ phép với đàn bà” [8, 84]. Kịch gia Huy Thông thực sự đã “ché biền” người anh hùng theo khuynh hướng của mình. Ông cố tình làm lệch lịch sử, để có thể thi vị hóa theo suy tưởng riêng, cảm xúc riêng.

Ngoài Hạng Vũ - biểu tượng cho người anh hùng bất đắc chí, ở những giai đoạn sáng tác sau, Huy Thông còn xây dựng những hình tượng lịch sử tích cực, với những chuyển biến từ chuyện tình yêu sang những vấn đề lớn lao hơn đó là tinh thần vì nghĩa lớn. Không phải ngẫu nhiên mà tác giả lại có sự thay đổi trong đề tài sáng tác. Bản chất của sự chuyển biến đó chính là mượn tích cũ, chuyện xưa để nói về hiện tại và thực tại của đất nước - đây là một cách để thể hiện tâm lòng yêu nước một cách kín đáo mà không chỉ có ở Huy Thông mà ở nhiều nhà văn cùng thời đại. Tác giả vẫn muốn người đọc sống lại những tình cảm của những người anh hùng trong lịch sử, lúc bấy giờ là thời kì thoái trào của cách mạng Việt Nam, những tình cảm đó có thể nhen lên những ngọn lửa trong tâm hồn đã nguội lạnh vì sợ hãi và nhu nhược. Có lẽ vì thế mà những nhà thơ cách mạng sau này thừa nhận cũng gặp gỡ và có ảnh hưởng từ kịch thơ Huy Thông.

Đề tài lịch sử là nền móng để xây dựng tình yêu đã tạo nên nội dung nghệ thuật trong kịch thơ Huy Thông. “Những đề tài lịch sử và thần thoại là cảm hứng của Huy Thông thi sĩ chịu ảnh hưởng của bi kịch Ensin và “Nô”- một loại kịch Nhật Bản là loại kịch cốt chuyện đơn giản kịch tính chưa có mấy” [4, 175]. Nghĩa là khi đọc kịch thơ Huy Thông người đọc sẽ thấy cốt chuyện không có nhiều tình tiết, kịch tính chưa thực sự rõ nét mà chủ yếu là xung đột trong nội tâm

nhân vật tạo cảm xúc chân thực của tác phẩm để thể hiện hai nội dung chủ đạo đan xen trong kịch thơ của ông là: tình yêu đôi lứa và cảm hứng về anh hùng trong lịch sử.

Nhưng tâm điểm tạo nên diện mạo độc đáo của kịch thơ Huy Thông giai đoạn 1932 - 1945 chính là vấn đề từ cái nhìn nội quan mang tính nếm trải, hàng loạt những vấn đề về mối quan hệ giữa các thành tố gia đình – xã hội, về khát vọng khẳng định cái tôi cá nhân với cả những hạnh phúc muộn màng hay bị kịch đón đầu mà Huy Thông phản ánh trong các sáng tác của mình, thì tầm vóc của vấn đề đã được đẩy đi xa hơn, chạm đến những miền sâu thẳm của thân phận con người – xã hội. Dù những vượt thoát ấy có thể chưa nhiều, bên cạnh những trường hợp thể nghiệm ít nhiều sơ giản, thậm chí sống sượng, nhưng vẫn cần phải khẳng định, diện mạo của kịch thơ Huy Thông 1932 – 1945 cho chúng tôi thấy đó là, những khao khát vượt lên, vượt qua những nghịch cảnh để kiếm tìm hạnh phúc tình yêu thực sự. Những thể nghiệm mang tính chiều sâu như thế đã giúp cho các sáng tác của tác gia giai đoạn này vượt qua những giới hạn của vấn đề ít nhiều mang tính cá nhân để bộc lộ những quan niệm, tư tưởng phổ quát. Kịch thơ Huy Thông 1932 – 1945 đã khẳng định được diện mạo trên văn đàn, làm phong phú thêm nền văn học Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945.

2.2. Những nét đặc sắc trên phương diện kết cấu, ngôn ngữ

Nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ khẳng định: “Nhờ ảnh hưởng của thơ Pháp, Thơ mới đã sử dụng hình thức khá phong phú, Huy Thông sử dụng thể thơ kịch. Gọi là kịch thơ nhưng thực chất là bài thơ dài, hình thức đối thoại giúp ý thơ đi xa hơn đỡ đơn điệu hơn. Hơn nữa phù hợp với sự diễn biến của tình cảm, thi sĩ có thể sử dụng nhiều thể thơ khác nhau trong bài thơ kịch, là thơ kịch nên Huy Thông ít chú ý đến kịch tính cũng như trang trí dàn cảnh” [4, 139]. Nhà nghiên cứu Phan Huy Dũng cũng cho rằng “*Anh Nga* đúng là một bài thơ trữ tình, có điều đây là bài thơ trữ tình mang tính chất kịch” [2, 138] Chúng tôi cũng một lần nữa khẳng định rằng kịch thơ Huy Thông là một dạng kịch thơ đặc biệt. Tuy có tính kịch nhưng chưa phải là xung đột mạnh mẽ mà chủ yếu là xung đột trong cảm xúc của nhân vật vì thế chưa tạo nên được hai đối cực với những mâu thuẫn không thể dung hòa. Hành động kịch thực sự chưa được tác giả quan tâm dàn dựng công phu. Cốt truyện kịch không có nhiều tình tiết đặc sắc mà khá đơn giản. Nhưng điều đặc biệt hơn nữa là những tác phẩm kịch thơ lại thể hiện rất rõ cảm xúc của cái tôi cá nhân - chính là tác giả. Vì vậy điều độc đáo nhất của những tác phẩm kịch Huy Thông trước hết là kịch thơ chỉ là hình thức của bài thơ trữ tình dài và có đối thoại kịch.

Về phương diện kết cấu tác phẩm có thể khẳng định kịch thơ Huy Thông giống như những bản trường ca về tình yêu không dứt. Các vở kịch đều có khoảng trên hai trăm câu thơ và thường chỉ có hai nhân vật. Nếu có thêm chỉ là những nhân vật đệm, hay tiếng địch, tiếng đàn, tiếng ca, với hệ thống nhân vật rất đơn giản nên kiểu kết cấu của kịch không phức tạp. Lời thoại trong kịch thơ của ông, không diễn tả nhiều hành động kịch mà chủ yếu là tâm trạng kịch mà những tâm trạng ấy được khơi nguồn từ một yếu tố ngoại cảnh có tác động rất lớn đến tính cách và tình cảm của nhân vật kịch: tiếng địch Trương Lương khơi cháy lên ngọn lửa tình yêu trong lòng Hạng Tịch, tiếng đàn tỳ bà đánh thức tình yêu trong lòng Ngân Sinh, kiểu kết cấu có nhân vật đệm như Cung Nga Việt Cung Nga Chiêm, các Chiến Sĩ với tiếng hò reo vang tạo nên không khí cho vở kịch thêm sinh động chứ không có vai trò gì làm cho nội dung kịch chuyển biến như kiểu nhân vật phụ trong các vở kịch đa tuyến nhân vật. Kết cấu tỏ ra phức tạp nhất trong kịch Huy Thông là *Tàn Hồng Châu*, nhưng cũng có bốn nhân vật kịch mà một nhân vật là Đường Cương thì đã chết. Còn chỉ có Tàn Hồng Châu với những lời thú tội về những hành động giết chồng quyết liệt, muốn dành tình yêu trọn vẹn cho mình, nhưng hành động này cũng chỉ được thể hiện qua lời kể lại và không hề tạo ra sự mâu thuẫn giữa nhân vật này và nhân vật kia chỉ có sự mâu thuẫn trong cảm xúc của cá nhân Tàn Hồng Châu. Có thể khẳng định rằng, kiểu kết cấu theo cảm xúc trữ tình lãng mạn là kiểu kết cấu đặc biệt trong kịch thơ của Huy Thông.

Ngôn ngữ kịch thơ được xem là gốc rễ của thể loại vì kịch thơ là thể loại sử dụng ngôn ngữ thơ làm ngôn ngữ kịch. Ngôn ngữ của kịch thơ Huy Thông lại đặc biệt. Thể thơ 8 và 7 chữ phổ biến trong Thơ mới được Huy Thông vận dụng một cách triệt để, gần như các vở kịch của ông đều sử dụng hai thể thơ này. Ngoài ra việc dùng từ ngữ hình ảnh trong kịch thơ của Huy Thông đều mang đặc trưng của Thơ mới lãng mạn. Cách dùng hình ảnh và ý tứ mới lạ, chẳng hạn ông miêu tả vẻ đẹp Ngu Mĩ Nhân (Ngu Cơ):

*Hồn mê mê, Sở chúa vuốt tua rèm,
Say sưa nhìn cặp mắt long lanh đen,
Cặp mắt nồng nàn, mà xa xăm, mà say đắm,
Như chan hòa niềm ái ân đầm thắm,
Cặp mày thanh, êm ái như mây cong,
Như núi xuân lưu luyến hơi xuân phong,
Dưới vầng trán băng khuâng sẽ dịu dàng uốn nét.
Tóc óng đen, như ao trong dưới bóng đêm mù mịt,
Chập chờn bay theo áng gió heo may,
Và êm buông như sóng cuốn trên lưng gầy.*

Huy Thông hay cho nhân vật nói dài, vừa lí luận và hùng biện. Ông cũng hay sử dụng các liên từ trong kịch thơ một cách khá thoải mái đặc biệt là liên từ “và”, “vì”..., Điều này chứng tỏ tác giả những muốn tuôn ra mãi cảm xúc của nhân vật kịch, cũng là cảm xúc của cái tôi tha thiết của ông.

Lời thoại của các nhân vật kịch tất cả đều được đặt trong âm hưởng tha thiết trữ tình. Nhân vật nào cũng nói những đầy tình cảm mặn nồng làm li mang đậm bút pháp của chủ nghĩa lãng mạn. Bởi đã nói đến tình yêu là chia li, đau khổ thì không có âm hưởng nào là phù hợp hơn ngoài sử dụng âm điệu thơ trữ tình đó, điều này cũng phù hợp với quan điểm thẩm mỹ và cảm xúc của thời đại lúc bấy giờ. Cũng có những đoạn lời thơ thoại mang âm hưởng bi tráng của một tráng ca về người li tráng sĩ chiến bại cũng làm cho lời thơ có sự thay đổi nhưng vẫn là bút pháp nghệ thuật của chủ nghĩa lãng mạn.

Các thủ pháp nghệ thuật trong kịch thơ Huy Thông cũng gặp gỡ Thơ mới ở nhiều điểm, như việc sử dụng hình ảnh - biểu tượng thơ, các điệp ngữ tạo nên sự trùng điệp, các thủ pháp nghệ thuật. Tác phẩm *Anh Nga* có nhiều câu thơ giàu tính hình tượng, tác giả đã vận dụng một cách có hiệu quả nhất những ngôn từ giàu chất thơ:

*Phù dung tươi, nếp tường, như kiếng gót
Ngắm tre đằng rũ tóc dịu dàng ngân.
Bên vành giăng, lóng lánh áng mây vắn,
Và cỏ mềm băng khuâng bên cát bạc.
Vườn ướp trong hương thơm, như man mác
Biết bao lời mây nước đắm say lòng...*

Cách dùng lời đối thoại giàu chất thơ thể hiện ngay trong việc sử dụng phép đảo ngữ kết hợp với những hình ảnh thơ lãng mạn cuốn hút vừa cô điển mà vẫn tân kì “phù dung”, “rũ tóc dịu dàng”, “vành trăng”, “cỏ mềm”, “mây nước” cùng với một loạt các động từ nhằm diễn tả vẻ nhẹ nhàng uyển chuyển của một giai nhân đầy quyến rũ, huyền ảo. Việc dùng từ ngữ hình ảnh đầy chất trữ tình và giàu cảm xúc là đặc trưng lớn của ngôn ngữ kịch thơ Huy Thông.

Kịch thơ của Huy Thông chủ yếu làm bằng thơ 8 chữ cách liên vận tạo nên những đối thoại đầy chất trữ tình, chủ yếu là gieo vần chân kết hợp với ngắt nhịp chẵn 4/4, 2/6, 6/2 tạo âm điệu ngân vang lên bổng xuống trầm cho cả vở kịch:

*Nhưng bây giờ, trên không tím
Lướt sao êm, mây lả thướt tha qua;
Lặng ngắm giăng mơ màng, hoa chúm chím,
Và, bên tường, len lén, gió lay hoa.*

Nghệ thuật sử dụng cách phối thanh, phối nhịp, vần điệu, âm điệu là đặc trưng đặc sắc nhất ở kịch thơ Huy Thông. Các tác giả sau này khi xây dựng kịch chú ý nhiều đến hành động và xung đột kịch nhiều hơn là âm điệu và tính nhạc của kịch. Đó là điều tất yếu kéo tác phẩm của ông về hội tụ trong các tác phẩm phê bình nổi tiếng nhất về phong trào Thơ mới - Hoài Thanh, Phan Cự Đệ, Hoàng Như Mai, Lê Đình Ky... đều xem Huy Thông là một trong những nhà Thơ mới tiêu biểu nhất.

Các mâu thuẫn trong kịch cũng là mâu thuẫn trong thế giới nội tâm của nhân vật. Kể cả đối thoại kịch và độc thoại kịch đều nhằm thể hiện những xung đột bên trong tâm hồn con người, đặc biệt độc thoại nội tâm trở thành hình thức chiếm ưu thế trong lời thoại kịch của Huy Thông. Điều đó có nghĩa là ngôn ngữ nhân vật dường như trùng khít với sự hóa thân của nhà thơ vào nhân vật kịch. Đặc biệt là hai vở kịch *Anh Nga* và *Tiếng địch Sông Ô* đã cho thấy rõ điều này. Ở hai vở *Huyền Trân Công Chúa* và *Tàn Hồng Châu* đối thoại kịch rõ nét nhưng những lời đối thoại này cũng chủ yếu là đối thoại về bộc lộ tình cảm và kể lại câu chuyện chứ chưa có loại đối thoại để dẫn đến hành động kịch và xung đột kịch mạnh mẽ. Chính đặc điểm này cũng tạo nên phong cách kịch riêng biệt của Huy Thông.

3. Kết luận

Có thể nói, Huy Thông là tác giả mở đầu cho thể loại kịch thơ Việt Nam và đã tạo nên những dấu ấn đặc điểm đặc sắc trong sáng tác của mình. Xét từ nguồn gốc thể loại, chủ đề tư tưởng đến ý đồ sáng tạo, từ kết cấu, ngôn ngữ và nhân vật trong kịch thơ của Huy Thông, chúng tôi nhận thấy tuy là kịch nhưng thực chất chỉ là một hình thức khác của tác phẩm thơ. Bởi nó không đề cao xung đột kịch vốn được coi là đặc trưng cơ bản của kịch. Nói cách khác, kịch thơ chỉ là hình thức của bài thơ trữ tình dài và có đối thoại kịch. Kịch thơ của Huy Thông mang nhiều đặc điểm đặc trưng của thơ, giàu chất trữ tình, giàu nhạc điệu, từ ngữ hình ảnh đều mang đặc trưng độc đáo của thơ lãng mạn. Có thể khẳng định Huy Thông đã có đóng góp quan trọng trong việc làm phong phú thêm những hình thức thể hiện của kịch thơ nói riêng, kịch thơ Việt Nam nói chung.

Ở đề tài này chúng tôi phân tích và lí giải những luận điểm cơ bản của kịch thơ Huy Thông trên các phương diện: đề tài, chủ đề và ngôn ngữ của tác phẩm. Về mặt đề tài chúng tôi thấy kịch thơ viết thực sự chú trọng vào hai đề tài chính là lịch sử - xã hội và tình yêu đôi lứa nhằm thực hiện khát vọng của cái tôi thời đại. Về mặt ngôn ngữ, ngôn ngữ kịch thơ Huy Thông vừa thể hiện màu sắc lãng mạn trữ tình vừa có được những nét kịch tính mang đặc thù thể loại tạo nên sức hấp dẫn cho ngôn ngữ tác phẩm. Dù còn những hạn chế nhất định như hình tượng nhân vật còn mờ nhạt, kết cấu nhiều tác phẩm còn đơn giản và lỏng lẻo, nhưng nhìn chung không thể phủ nhận những đóng góp của tác giả đối với văn học kịch Việt Nam đầu thế kỉ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lại Nguyên Ân, 2013. “Về kịch thơ “Lòng hồi hận” của Huy Thông”. *Tạp chí Thơ*, Hà Nội, 9/2013, tr. 54- 85. nguồn: [http:// www. thiviet.net](http://www.thiviet.net)
- [2] Phan Huy Dũng, 1999. *Kết cấu thơ trữ tình (Nhìn từ góc độ loại hình)*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Phan Cự Đệ, 2006. *Tuyển tập Phan Cự Đệ*, tập 2. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- [4] Phan Cự Đệ, 2006. *Tuyển tập Phan Cự Đệ*, tập 3. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Hoàng Như Mai, 2005. *Tuyển tập*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Vũ Quần Phương, 2019. “Phạm Huy Thông: Giọng anh hùng ca khởi đầu trong thơ Việt”. *Tạp chí Người Hà Nội*, nguồn: [hppt/nguoihanoi.com.vn](http://nguoihanoi.com.vn)
- [7] Vũ Ngọc Phan, 2008. *Tuyển tập Nhà văn hiện đại* (Tập 1). Nxb Văn học, Hà Nội.
- [8] Hoài Thanh, 2007. *Thi nhân Việt Nam*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [9] Lưu Khánh Thơ, 2010. “Nhà thơ Phạm Huy Thông (1916-1988) “Tiếng dịch sông Ô” còn vang mãi”. *Báo An ninh thế giới và cuối tháng*, nguồn: <http://antgct.cand.vn>
- [10] Hoài Việt, 1995. *Kịch thơ Việt Nam*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

ABSTRACT

Unique artistic and poetic art of Huy Thong in period 1932-1945 on the aspect of language topic

Nguyen Van Lich

*Southern education and training development center,
Ministry of Education & Training*

The article points out that Huy Thong's drama is biased towards historical topics. This is also a popular topic in Vietnamese literature in the early twentieth century due to the special nature of the nation's fate. And, also in the trendy nature of the era, Huy Thong's historical drama is often associated with the theme of love- a love bound to history, an example of former personal tragedy and responsibility. In his efforts, he has made a separate contribution to the drama genre in terms of structure and language. Huy thong's poems are like hymns of endless love and natural lines. About expressing mood rather than historical express in Huy Thong's drama is minimalistic, just enough to express the writer's mood.

Keywords: specialties, art, drama, Huy Thong.